

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 18/2018/DSST

Ngày: 03/7/2018

V/v: Kiện tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Ánh Sứu – Chủ tịch Hội người cao tuổi huyện H.

2. Ông Vũ Xuân Thụ – Cán bộ hưu trí.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Năng Quân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Y Đum Kpã – Kiểm sát viên.

Ngày 03/7/2018 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2017/TLST-DS, ngày 21/11/2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐST-DS, ngày 12/6/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1982, có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố M, thị trấn E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Châu Văn T sinh năm 1951, có mặt.

Bà Nguyễn Thị Thùy B, sinh năm 1963, có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn T, sinh năm 1952, có mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

2. Ông Ksor Y K, sinh năm 1951, vắng mặt;

3. Bà Adrong H’K, sinh năm 1951, vắng mặt;

Ông Ksor Y K và bà Adrong H'K ủy quyền cho ông Nay Y H tham gia tố tụng tại phiên tòa; Ông Nay Y H, sinh năm 1988, có mặt.

Địa chỉ: Buôn T, xã M, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng:

Bà Hồ Thị Thanh P, sinh năm 1982, có mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

Người phiên dịch: Ông Ksor Y N, có mặt.

Địa chỉ: Buôn S, xã Đ, huyện H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn Trần Ngọc H trình bày:

Ngày 17/4/2017 vợ chồng ông Châu Văn T bà Nguyễn Thị Thùy B vay của ông H số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết “Giấy mượn tiền” và hai bên ký xác nhận ngoài ra có người làm chứng là ông Nguyễn T xác nhận. Khi vay, vợ chồng ông T bà B thế chấp cho ông H giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BU 875428 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 17/6/2014 và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 605781 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30/6/2016 đều mang tên ông Ksor Y K và bà Adrong H'K. Hai bên thỏa thuận đến ngày 27/4/2017 thì ông T bà B phải trả hết nợ. Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông T bà B vẫn chưa trả như đã hẹn nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H buộc ông T bà B trả hết số nợ và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Châu Văn T và bà Nguyễn Thị Thùy B trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Th bà Huỳnh Thị C vay của ông T bà B số tiền 2.970.000.000 đồng nhưng chưa có khả năng trả nợ, tài sản của ông Th bà C đã thế chấp vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh C đã đến hạn trả nợ nhưng ông Th bà C không có khả năng thanh toán nên không vay lại được.

Thông qua sự giới thiệu của bà Hồ Thị Thanh P cư trú tại thôn B xã E, huyện H có quen biết với ông Trần Ngọc H nên ông Th đến vay tiền của ông H để trả nợ Ngân hàng và vay lại lấy tiền trả cho ông T bà B 1.000.000.000 đồng, nhưng vì ông Th không có tài sản thế chấp cho ông H nên ông H không cho vay.

Vì vậy, ngày 17/4/2017 vợ chồng ông Châu Văn T bà Nguyễn Thị Thùy B thỏa thuận với ông Th về việc ông T bà B sẽ vay của ông H 300.000.000 đồng cho ông Th trả nợ ngân hàng, còn ông Th viết giấy nợ của bà B ông T 300.000.000 đồng. Khi trả nợ ngân hàng xong, ông Th vay lại Ngân hàng, thì ông Th trả cho ông T bà B 1.000.000.000 đồng và trả lại cho ông H 300.000.000 đồng.

Khi đến vay tiền của ông H, vợ chồng ông T bà B và ông Th cùng đến, ông Th có cầm theo 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 875428 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 17/6/2014 và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 605781 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30/6/2016 đều mang tên ông Ksor Y K và bà Adrong H'K nên ông T bà B và ông Th đưa cho ông H để thế chấp.

Hai bên thỏa thuận đến ngày 27/4/2017 thì ông T bà B phải trả hết nợ. Tuy nhiên, khi đưa tiền cho ông Th nhờ bà Hồ Thị Thanh P đi làm thủ tục đáo hạn ngân hàng nhưng không vay lại được vì thuộc diện nợ xấu. Vì vậy ông Th bà C không có tiền trả lại cho ông T bà B như đã hứa, ông T bà B cũng không có tiền trả cho ông H như hợp đồng đã ký kết.

Đại diện ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Nay Y H trình bày:

Ông Ksor Y Kl và bà Adrong H'K có 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 875428 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 17/6/2014 và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 605781 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30/6/2016 đều mang tên ông Ksor Y K và bà Adrong H'K. Ông bà cho người hàng xóm là bà T mượn đi cầm cố để vay 10.000.000 đồng làm vốn, nhưng không biết vì sao ông Th lại giữ và mang đi thế chấp cho ông H để vay tiền. Nay ông Nay Y H yêu cầu ông H trả lại hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông Ksor Y K và bà Adrong H'K.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Th trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Th bà Huỳnh Thị C vay của ông T bà B số tiền 2.970.000.000 đồng nhưng chưa có khả năng trả nợ, tài sản của ông Th bà C đã thế chấp vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh C quá hạn trả nợ nhưng không có tiền trả.

Ngày 17/4/2017 ông Th thông qua bà P giới thiệu đến vay tiền của ông H để trả Ngân hàng sau đó vay lại lấy tiền trả cho ông T bà B, nhưng vì ông Th không quen biết ông H nên ông H không cho vay. Vì vậy, ngày 17/4/2017 ông Th nhờ vợ chồng ông Châu Văn T bà Nguyễn Thị Thùy B đến vay tiền của ông H 300.000.000 đồng để cho ông Th lấy đi trả Ngân hàng, còn ông Th viết giấy nợ ông T bà B số tiền 300.000.000 đồng.

Khi vay tiền của ông H, ông Th đưa cho vợ chồng ông T bà B 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 875428 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 17/6/2014 và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 605781 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30/6/2016 đều mang tên ông Ksor Y K và bà Adrong H'K để thế chấp (hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này do bà M mượn của ông Ksor Y K và bà Adrong H'K thế chấp để vay của ông Th 10.000.000 đồng).

Sau khi vay tiền của ông H, ông Th đưa tiền nhờ bà Hồ Thị Thanh P đi làm thủ tục trả nợ ngân hàng thì Ngân hàng không cho vay lại vì thuộc diện nợ xấu nên ông Th bà C không có tiền trả cho ông T bà B như đã hứa, ông T bà B cũng không có tiền trả cho ông H.

Người làm chứng bà Hồ Thị Thanh P trình bày:

Do có quen biết với ông H nên bà P giới thiệu ông Nguyễn Th đến vay tiền của ông H để làm thủ tục đáo hạn ngân hàng, tuy nhiên bà P không chứng kiến sự việc các bên vay mượn tiền của nhau như thế nào. Khi ông Th nhờ bà P làm thủ tục đáo hạn ngân hàng thì do ông Th thuộc diện nợ xấu nên ngân hàng không cho vay nữa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về vụ án:

[1]. Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2]. Về nội dung: Xét thấy, việc ông T bà B ký kết hợp đồng vay tiền với ông H là có thật và hoàn toàn tự nguyện, nên cần chấp nhận hợp đồng. Bên vay tiền đã vi phạm thời hạn trả nợ nên cần buộc vợ chồng ông T bà B phải trả cho ông H số nợ là 300.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Đối với việc thế chấp 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ksor Y K và bà Adrong H'K do ông Th bà B thực hiện với ông H chưa tuân thủ về mặt hình thức nên vô hiệu. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông H trả lại 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ksor Y K và bà Adrong H'K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Nguyên đơn Trần Ngọc H khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với vợ chồng ông Châu Văn T bà Nguyễn Thị Thùy B là thuộc lĩnh vực tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện H.

2. Về nội dung:

[1]. Ngày 17/4/2017 vợ chồng ông Châu Văn T bà Nguyễn Thị Thùy B vay của ông H số tiền 300.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết Giấy mượn tiền và hai bên ký xác nhận ngoài ra có người làm chứng là ông Nguyễn Th xác nhận. Khi vay, vợ chồng ông T bà B đưa cho ông Hưng 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BU 875428 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 17/6/2014 và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 605781 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30/6/2016 đều mang tên ông Ksor Y K và bà Adrong H'K. Hai bên thỏa thuận đến ngày 27/4/2017 thì ông T bà B phải trả hết nợ. Tuy nhiên, đến nay đã quá hạn trả

nợ nhưng ông T bà B vẫn chưa trả nợ như đã hẹn nên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H buộc ông T bà B trả hết số nợ và lãi suất tính theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay đến khi trả hết nợ.

[2]. Bà B, ông T thừa nhận có ký kết hợp đồng vay tiền của ông H mục đích để cho ông Nguyễn Th dùng số tiền này đi trả nợ ngân hàng sau đó ông Th vay lại lấy tiền trả nợ cho ông T bà B vì ông Th nợ bà B 2.970.000.000 đồng.

Tuy nhiên, khi ông Th đưa tiền nhờ bà Hồ Thị Thanh P đi làm thủ tục trả nợ ngân hàng thì ngân hàng không cho vay lại vì thuộc diện nợ xấu. Vì vậy, ông Th bà C không có tiền trả lại cho ông T bà B như đã hứa, nên ông T bà B cũng không có tiền trả cho ông H như hợp đồng đã ký kết.

[3]. Ông Nguyễn Th thừa nhận sự việc như ông T bà B trình bày.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Việc ông T bà B vay tiền 300.000.000 đồng của ông H là có thật dựa trên giấy vay tiền mà hai bên ký kết ngày 17/4/2017 và được các bên thừa nhận. Mặc dù cả vợ chồng ông T bà B và ông Nguyễn Th đều thừa nhận việc ông T bà B vay tiền của ông H là để cho ông Th đi trả nợ ngân hàng nhưng việc vay tiền là do ông T bà B thực hiện giao dịch với ông H, ông Th và ông H không có mối liên hệ nào. Vì vậy, nghĩa vụ trả nợ 300.000.000 đồng thuộc ông T bà B. Thời hạn trả nợ là ngày 27/4/2017 nhưng đến nay ông T bà B vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H.

[2]. Tại giấy vay tiền, các bên không thỏa thuận về lãi suất, tuy nhiên hiện nay ông H yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền ông T bà B còn nợ theo quy định của pháp luật. Vì vậy cần áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự để giải quyết.

Tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định:

4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.

Tại Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định:

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ.

Do vậy, cần buộc ông T bà B phải chịu lãi suất đối với số tiền 300.000.000 đồng kể từ ngày quá hạn trả nợ đến ngày xét xử (03/7/2018) là 14 tháng 06 ngày, lãi suất được tính như sau:

$300.000.000 \times 20\%/năm \times (14 \text{ tháng } 06 \text{ ngày}): 2 = 35.499.000 \text{ đồng.}$

Tổng cộng, ông T bà B phải trả cho ông H cả nợ gốc và lãi suất là 335.499.000 đồng.

[3]. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 875428 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 17/6/2014 và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 605781 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 30/6/2016 đều mang tên ông Ksor Y K và bà Adrong H'K mà vợ chồng ông T bà B và ông Th thế chấp cho ông H nhưng do việc thế chấp chỉ được thỏa thuận miệng với nhau, chưa được đăng ký biện pháp bảo đảm theo quy định của Điều 298 Bộ luật Dân sự là không đảm bảo hình thức của hợp đồng nên hợp đồng thế chấp này là vô hiệu, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng. Vì vậy ông H phải trả lại cho ông Ksor Y K và bà Adrong H'K 02 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất nêu trên.

[4]. Về án phí: Vợ chồng ông Châu Văn T bà Nguyễn Thị Thùy B là người có công với cách mạng nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Áp dụng các Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 298, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội.

[2]. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Trần Ngọc H, Vợ chồng ông Châu Văn T bà Nguyễn Thị Thùy B phải trả cho ông Trần Ngọc H số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng và lãi suất 35.499.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông T bà B còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông Trần Ngọc H có nghĩa vụ trả lại cho ông Ksor Y K và bà Adrong H'K giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BU 875428 do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 17/6/2014 và giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BQ 605781 do Ủy

ban nhân dân huyện H cấp ngày 30/6/2016 đều mang tên ông Ksor Y K và bà Adrong H'K.

[3]. Về án phí: Miễn án phí cho vợ chồng ông Châu Văn T bà Nguyễn Thị Thùy B. Trả lại cho ông Trần Ngọc H 7.500.000 đồng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo biên lai số 0002176 ngày 21/11/2017.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Trần Ngọc H, bị đơn ông Châu Văn T bà Nguyễn Thị Thùy B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Th; đại diện ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ksor Y K và bà Adrong H'K là ông Nay Y H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện H;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện H;
- Toà án nhân dân tỉnh ĐăkLăk;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thanh Long